

BÀI 12

TREO BIỂN LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

ĐỌC – HIẾU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thế nào là *truyện cười* ;
- Hiểu nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật gây cười trong hai truyện *Treo biển* và *Lợn cười, áo mới* ;
- Kể lại được các truyện cười này.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

- Về định nghĩa *truyện cười* cần lưu ý mấy điểm sau :

1. *Truyện cười* là loại truyện về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra cái cười.

– Hiện tượng đáng cười là những hiện tượng có tính chất ngược đời, lố bịch, trái tự nhiên, thể hiện ở hành vi, cử chỉ, lời nói của người nào đó.

– Cái cười do hiện tượng đáng cười gây ra và do ta phát hiện thấy hiện tượng ấy. Để có cái cười, cần : a) Điều kiện khách quan : phải có hiện tượng đáng cười ; b) Điều kiện chủ quan : người đọc, người nghe phải phát hiện ra hiện tượng đáng cười ấy để cười.

2. Truyện cười thường rất ngắn. Ngắn nhưng vẫn có truyện. Kết cấu, nhân vật, ngôn ngữ kể chuyện đều phục vụ mục đích gây cười. Mẫu chốt của nghệ thuật gây cười là phải làm sao cho cái đáng cười tự nó bộc lộ một cách cụ thể, sinh động, để người đọc, người nghe tự mình phát hiện ra nó mà bật cười.

3. Truyện cười vừa có ý nghĩa mua vui, vừa có ý nghĩa phê phán. Khi tạo ra những tiếng cười mua vui hoặc phê phán, truyện cười đồng thời cũng gián tiếp hướng người nghe, người đọc tới những điều tốt đẹp, đối lập với những hiện tượng đáng cười.

Những truyện cười thiên về ý nghĩa mua vui được gọi là *truyện hài hước*. Những truyện thiên về ý nghĩa phê phán được gọi là *truyện châm biếm*.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

Người Việt Nam chúng ta rất biết cười, dù ở bất kì tình huống, hoàn cảnh nào. Vì vậy rừng cười dân gian Việt Nam rất phong phú. Rừng cười ấy có đủ các cung bậc khác nhau. Có tiếng cười vui hóm hỉnh, hài hước nhưng không kém phần sâu sắc để mua vui. Có tiếng cười sâu cay, châm biếm để phê phán những thói hư tật xấu và để đả kích kẻ thù, v.v...

Chương trình Ngữ văn 6, do quỹ thời gian có hạn, chỉ giới thiệu được hai truyện cười trong rừng cười dân gian bạt ngàn của dân tộc. Mặc dù vậy, hai truyện cười được chọn giảng cũng phản ánh được một số điểm tiêu biểu của thể loại *truyện cười* và sự độc đáo, sâu sắc của tiếng cười dân gian Việt Nam.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

TREO BIỂN

Hoạt động 1

- a) Hướng dẫn HS đọc văn bản.
- b) Hướng dẫn HS tìm hiểu phần *Chú thích*.

GV tập trung hướng dẫn HS tìm hiểu chú thích (★) về *truyện cười* (xem SGK, tr. 124 và phần II – *Những điều cần lưu ý* ở trên). Các chú thích khác, GV yêu cầu HS tự tìm hiểu ở nhà.

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS trả lời và thảo luận các câu hỏi phần *Đọc – hiểu văn bản*.

Câu 1 : Tấm biển đẽ treo ở cửa hàng ("Ở đây có bán cá tươi") có bốn yếu tố, thông báo bốn nội dung :

- "Ở đây" : thông báo địa điểm cửa hàng.
- "Có bán" : thông báo hoạt động của cửa hàng.
- "Cá" : thông báo loại mặt hàng.
- "Tươi" : thông báo chất lượng hàng.

Bốn yếu tố, bốn nội dung đó là cần thiết cho một tấm biển quảng cáo bằng ngôn ngữ.

Câu 2 : Có bốn vị khách "góp ý" về tấm biển ở cửa hàng bán cá. Lần lượt từng vị, bằng cử chỉ và ngôn ngữ ("cười bảo", "nói") góp ý bỏ bớt từng yếu tố của bốn nội dung thông báo nói trên. Thoạt nghe, ý kiến của từng người đều có lí. Song không phải. Bởi vì người góp ý cũng không nghĩ đến chức năng, ý nghĩa của yếu tố mà họ cho là thừa trên biển quảng cáo và mối quan hệ của nó với những yếu tố khác. Mỗi người đều lấy sự hiện diện của mình ở cửa hàng và sự trực tiếp được nhìn, nghe, xem xét mặt hàng thay cho việc thông báo gián tiếp vốn là chức năng, đặc điểm giao tiếp của ngôn ngữ. Vì vậy, mỗi người chỉ quan tâm đến một hoặc một số thành phần của câu quảng cáo mà họ cho là quan trọng, không thấy ý nghĩa, tầm quan trọng của thành phần khác.

Câu 3 : Đọc truyện này, mỗi lần có người góp ý và nhà hàng không cần suy nghĩ, "nghe nói, bỏ ngay", ta đều cười. Ta cười vì sự không suy xét, ngẫm nghĩ của chủ nhà hàng. Ta cười vì nhà hàng không hiểu những điều viết trên biển quảng cáo có ý nghĩa gì và treo biển quảng cáo để làm gì.

Nhưng cái cười bộc lộ rõ nhất ở cuối truyện (đây cũng là đặc điểm của truyện cười : để tiếng cười vang lên to nhất, thâm thuý nhất ở chỗ kết thúc). Ở trên, cái biển bị "bắt bẻ" đến nỗi chỉ còn chữ "CÁ". Người qua đường, khách hàng hết góp ý về chữ "TƯƠI", đến bắt bẻ về chữ "Ở ĐÂY", lại nhận xét về chữ "CÓ BÁN". Khi trên biển chỉ còn trơ trọi một chữ "CÁ", chẳng cứ nhà hàng, chính người đọc, người nghe cũng tưởng rằng đến đây chẳng còn gì để góp ý nữa. Nhưng khi vẫn còn có người góp ý, chữ "CÁ" và tấm biển treo vẫn là thừa, chủ nhà hàng cất luôn cái biển, thì ta lại bật cười và tiếng cười vang lên to nhất. Ta cười to vì từng ý góp ý thấy có vẻ có lí nhưng cứ theo đó mà hành động thì kết quả cuối cùng lại thành phi lí. Ta cười to vì người nghe góp ý không biết suy xét, hoàn toàn mất hết chủ kiến.

Câu 4 : Ý nghĩa của truyện ngụ ngôn *Treo biển*.

Treo biển là một truyện hài hước, tạo nên tiếng cười vui vẻ, phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét khi nghe những ý kiến khác.

Từ truyện này, có thể rút ra một số bài học : Được người khác góp ý, không nên vội vàng hành động theo ngay khi chưa suy xét kĩ. Làm việc gì cũng phải có ý thức, có chủ kiến, biết tiếp thu có chọn lọc ý kiến của người khác.

Hoạt động 3. Phần *Ghi nhớ*.

GV yêu cầu HS đọc cho cả lớp nghe. Sau đó, GV phân tích và nêu rõ các ý trong phần *Ghi nhớ* để HS hiểu và dễ học thuộc.

Hoạt động 4. Hướng dẫn HS thực hiện phần *Luyện tập*.

– Thực hiện câu hỏi trong phần này, HS sẽ đề xuất ý kiến của mình và "bảo vệ" ý kiến đó. Cụ thể, HS sẽ đề nghị giữ hoặc lược bỏ một số yếu tố trong bốn yếu tố thuộc nội dung thông báo của tấm biển. Yêu cầu cơ bản là lí lẽ HS đưa ra có phù hợp hay không.

– HS có thể làm lại cái biển bằng cách vẽ hình những con cá và đề một số chữ phù hợp trong tấm biển.

– Qua truyện này, có thể rút ra những bài học về cách dùng từ, như : từ dùng phải có nghĩa, có lượng thông tin cần thiết, không dùng từ thừa. Từ trong biển quảng cáo phải ngắn gọn, rõ ràng, đáp ứng được mục đích, nội dung quảng cáo.

Bài tập : Yêu cầu HS làm ở nhà câu 1, 2 – *Bài 12, SBT*.

LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS đọc văn bản.

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS trả lời và thảo luận các câu hỏi phần *Đọc – hiểu văn bản*.

Câu 1 : Tính khoe của là thói thích tỏ ra, trưng ra cho người ta biết là mình giàu. Đây là thói xấu, thường thấy ở người giàu, nhất là ở những người mới giàu, thích học đòi. Thói xấu này hay biểu hiện ở cách ăn mặc, trang sức, xây cất, bài trí nhà cửa, cách nói năng, giao tiếp.

– Anh đi tìm lợn khoe của trong lúc nhà có việc lớn (làm đám cưới), lợn để làm cỗ cho lễ cưới lại bị sổng mất. Nghĩa là anh khoe của ngay cả lúc việc nhà đang rất bận và bối rối, khoe của ở một cảnh huống tưởng như không còn tâm trí để khoe.

– Lẽ ra chỉ cần hỏi người ta "Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không?", hoặc nói rõ con lợn sổng là lợn gì (to hay nhỏ, trắng hay đen). Từ *cưới* (lợn cưới) không phải là từ thích hợp để chỉ con lợn bị sổng và không phải là thông tin cần thiết. Người được hỏi không cần biết con lợn được dùng vào việc gì (lợn cưới hay lợn tang).

Câu 2

– Anh có áo mới thích khoe của đến mức, may được cái áo mới, không đợi ngày lễ, Tết, hay đi đâu đó, đem ra mặc ngay. Tính thích khoe của đã biến anh ta thành trẻ con ("Già được bát canh, trẻ được manh áo mới"). Nhưng trẻ con thích mặc áo thì đó là nét tâm lí hồn nhiên, còn nhân vật truyện cười mặc áo mới là để khoe của. Chưa hết, anh ta còn "đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen". Nghĩa là nôn nóng muốn được khoe ngay áo mới. Cũng chưa hết, anh ta còn "đứng mãi từ sáng đến chiều", đợi người để khoe. Đây là sự kiên nhẫn đến mức quá đáng, lố bịch. Và khi thấy chả ai hỏi, anh ta "tức lầm". Một sự tức giận vô lối.

Mỗi chi tiết ngắn gọn của truyện lại đẩy tính thích khoe của của nhân vật đến mức khác thường, cao hơn.

– Diệu bộ của "anh áo mới" khi trả lời anh mất lợn cũng hoàn toàn không phù hợp. Người ta hỏi về con lợn, hướng con lợn chạy, anh lại "giơ ngay vạt áo ra".

– Do cố khoe bằng được cái áo mới, anh ta đã biến điều người ta không hỏi, điều chẳng can hệ gì thành nội dung thông báo. Đáng lẽ chỉ cần nói, ví dụ, "tôi đứng đây suốt từ sáng đến giờ...", thì anh ta lại nói "từ lúc tôi mặc cái áo mới này". Dùng diệu bộ "giơ ngay vạt áo ra" chưa đủ, anh ta còn dùng cả ngôn ngữ để khoe. Đây là yếu tố thừa trong câu trả lời nhưng lại là nội dung, mục đích thông báo chính của anh.

Câu 3 : Đọc, nghe truyện *Lợn cưới áo mới* ta cười nhiều lần :

– Cười về hành động, ngôn ngữ của từng nhân vật thích khoe của. Của chẳng đáng là bao (chiếc áo, con lợn) mà vẫn thích khoe (đây cũng là đặc điểm của loại người này). Hành động và ngôn ngữ khoe của của các nhân vật đều quá đáng, lố bịch.

- Tác giả dân gian đã tạo được cuộc ganh đua trong việc khoe của ở các nhân vật. "Anh áo mới" kiên nhẫn đứng hóng ở cửa, kiên nhẫn suốt từ sáng đến chiều, đang tức tối, lại bị "anh lợn cưới" khoe của trước. "Anh áo mới" tưởng thua, đã không bỏ lỡ cơ hội "cả ngày có một lần", để khoe của trước "anh lợn cưới". Cái kết thúc của truyện rất bất ngờ.

Câu 4 : Ý nghĩa của truyện Lợn cưới, áo mới.

Truyện *Lợn cưới, áo mới* phê phán tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội. Tính xấu ấy đã biến nhân vật thành trò cười cho mọi người.

Hoạt động 3. GV nhắc lại những ý chính trong định nghĩa *truyện cười*, ý nghĩa của hai truyện cười đã học trên lớp và yêu cầu HS về nhà đọc thêm một số truyện cười khác.